VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô[1].

---

[1] Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Mức vốn điều lệ;

c) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn;

đ) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng.

2. Việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu dẫn đến thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Lập và gửi hồ sơ

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này do người đại diện hợp pháp của tổ

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng."

chức tài chính vi mô ký. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những thay đổi quy định tại Thông tư này được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Bản sao giấy tờ, văn bằng, bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Hồ sơ, văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Điều 4. Văn bản chấp thuận

Việc chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện dưới hình thức:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) của tổ chức tài chính vi mô đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

2. Văn bản chấp thuận đối với các trường hợp quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính; mức vốn điều lệ; nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động

Điều 5. Thay đổi tên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên, gồm tối thiểu các nội dung: tên được quy định trong Giấy phép, tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về việc đặt tên, lý do thay đổi;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi tên.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.[2] Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm được quy định trong Giấy phép;

(ii) Địa điểm dự kiến thay đổi, trong đó xác định rõ: tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (ngõ) và tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Trung ương. Địa điểm dự kiến thay đổi phải đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch chuyển trụ sở chính đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày

---

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm mới. Quá thời hạn này, tổ chức tài chính vi mô không hoạt động tại địa điểm mới, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hết hiệu lực.

4. Chậm nhất 15 ngày trước ngày hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi đặt trụ sở chính. Tổ chức tài chính vi mô không được hoạt động tại địa điểm mới nếu trụ sở không đảm bảo các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

5. Trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

6.[3] Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 7. Thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

(i) Nội dung, phạm vi hoạt động đề nghị chấp thuận;

(ii) Lý do và sự cần thiết thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động;

c) Phương án triển khai nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: mô tả nội dung, phạm vi thay đổi, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch triển khai thực hiện;

d) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đảm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Thay đổi thời hạn hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc thay đổi thời hạn hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép;

(ii) Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động, trong đó bao gồm:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm gần nhất, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo;

c) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 180 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Thay đổi mức vốn điều lệ

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ được quy định trong Giấy phép;

(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(iii) Lý do và sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;

(iv) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;

(v) Phương án và thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(vi) Tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn (trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên góp vốn);

(vii) Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh; khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tăng mức vốn điều lệ;

c) Quyết định của chủ sở hữu hoặc văn bản của thành viên góp vốn thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để cấp vốn hoặc góp thêm vốn theo phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Văn bản xác nhận của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về số vốn điều lệ tăng thêm gửi vào tài khoản phong tỏa.

đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, và d khoản này, tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tài chính vi mô như hồ sơ đối với thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2
Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp

Điều 10. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng;

(iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn dùng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

d) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 11. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng;

(iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới;

d) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

đ) Các văn bản, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, gồm:

(i) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là tổ chức:

- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

- Điều lệ của tổ chức;

- Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa);

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện hợp pháp của tổ chức và người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô;

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là doanh nghiệp);

- Báo cáo hoạt động trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ (đối với thành viên góp vốn mới không phải là doanh nghiệp);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là ngân hàng nước ngoài);

- Bảng kê khai người có liên quan của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Hồ sơ thành viên góp vốn mới là cá nhân:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

- Bản kê khai người có liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 12. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

(ii) Lý do mua bán, chuyển nhượng;

(iii) Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng.

b) Quyết định của chủ sở hữu thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô;

đ) Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa chủ sở hữu tổ chức tài chính vi mô và bên mua, bên chuyển nhượng;

e) Các hồ sơ chứng minh bên mua, bên nhận chuyển nhượng phần vốn góp đáp ứng các điều kiện về chủ sở hữu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp và gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn này, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô.

Mục 3
Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng

Điều 13. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

(ii) Lý do của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

b) Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

d) Phương án xử lý các rủi ro phát sinh do việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trong đó bao gồm các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh đến quyền và lợi ích của khách hàng.

2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 60 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm thông báo đến khách hàng, niêm yết thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại trụ sở chính và các địa điểm giao dịch.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng [4]

1. Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.

2. Thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này.

3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu.

4. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính.

5. Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;

b) Thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

c) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.

6. Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép về những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính.

Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

1. Kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính khi nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô về ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trước ngày tổ chức tài chính vi mô hoạt động tại địa điểm mới.

2. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về thay đổi thời hạn hoạt động và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

2. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;

b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật;

c) Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, thông báo công khai tại trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam về các nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 Thông tư này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[5]

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức tài chính vi mô đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

---

[5] Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 03/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 3 năm 2023./."

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam;

b) Điều 9 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thi hành phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09/4/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ chiếu (4x6cm)

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh
- Họ và tên thường gọi
- Bí danh
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo chứng minh nhân dân và địa chỉ cư trú hiện nay
- Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp tương đương khác); Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp tương đương khác)
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông;
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay (1).

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) (2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp	Ghi chú

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng:

4. Năng lực hành vi dân sự(3)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh... tại tổ chức tài chính vi mô.

- Thông báo cho tổ chức tài chính vi mô về các thay đổi phát sinh liên quan đến nội dung bản khai trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của..... (tên tổ chức tài chính vi mô).

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

1. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

2. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

3. Ghi cụ thể: đầy đủ/không đầy đủ/mất năng lực hành vi dân sự.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09/4/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số/ngày CMND hoặc CCCD(1)/ Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô(2)	Tỷ lệ vốn góp hoặc đại diện góp vốn tại tổ chức tài chính vi mô(3)
I	**Người kê khai/tổ chức khai**				
1	Nguyễn Văn A/tổ chức A		Người khai/ tổ chức khai		
...					
II.	**Người có liên quan/tổ chức có liên quan**				
1.	Nguyễn Thị B/tổ chức B		Vợ/ Công ty con...		
...					

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Người khai kê khai đầy đủ nội dung các cột. Trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

(2) Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi.

(3) Tỷ lệ vốn góp hoặc đại diện góp vốn tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 08/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng